

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **162/2019/DS-ST**

Ngày: 26/6/2019

*V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản
, hợp đồng góp hụi”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ánh Hồng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Hoàng Hoa**;

2. Bà **Lê Thị Ngọc Ánh**;

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Nguyễn Ái Quyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà **Lý Nguyễn Huyền Trang**-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 43/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST-DS ngày 13/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 163/2019/QĐST-DS ngày 06/6/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị A**, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp D, xã L, huyện N, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền bà **Lê Thị Hồng B**, sinh năm 1983.(Có mặt);

Địa chỉ: 244/2 tổ 8, ấp M, xã K, huyện H, Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019).

2. Bị đơn: **Lê Thị C**, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Tên gọc khác: O.

Địa chỉ: ấp D, xã L, huyện N, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày: Do chỗ quen biết bà con thân thuộc, chị Lê Thị C (thường gọi là O) có vay tiền của bà A nhiều lần và tham gia nhiều dây hụi để xoay vốn làm ăn sinh sống, cụ thể:

- Ngày 06/01/2017 (Âm lịch) tức 02/02/2017 dương lịch : chị C vay của bà A 8.900.000 đồng (*tám triệu chín trăm ngàn đồng*), thỏa Bận trả góp 130.000đồng/ ngày, thời hạn vay là 90 ngày, nhưng sau đó chị C chỉ góp được 12 ngày x 130.000đ = 1.560.000đồng nên chị C còn nợ bà A tiền gốc là 8.900.000 – 1.560.000 = 7.340.000đồng.

- Ngày 12/01/2017 (Âm lịch) tức 08/02/2017 dương lịch: chị C vay của bà A 8.900.000 đồng (*tám triệu chín trăm ngàn đồng*), thỏa Bận trả góp 130.000đồng/ ngày, thời hạn vay là 90 ngày, nhưng sau đó chị C chỉ góp được 06 ngày x 130.000đ = 780.000đồng nên chị C còn nợ bà A tiền gốc là $8.900.000 - 780.000 = 8.120.000$ đồng.

- Ngày 10/5/2017 (Âm lịch) tức 04/6/2017 dương lịch: chị A vay của bà A 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), thỏa Bận miêng lãi suất 3%/tháng, nhưng sau đó- tính đến tháng 12/2017 (Âm lịch) tức khoảng tháng 01/2018 dương lịch, chị C trả gốc được 5.000.000đồng, nên chị C còn nợ bà A tiền gốc là: $10.000.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} = 5.000.000$ đồng.

- Ngày 13/12/2017 (Âm lịch) tức 29/01/2018 dương lịch: chị C vay của tôi 8.900.000 đồng (*tám triệu chín trăm ngàn đồng*), thỏa Bận trả góp trả 130.000đồng/ ngày, thời hạn vay 90 ngày, nhưng sau đó chị Lan chỉ góp được 35 ngày x 130.000đ = 4.550.000đồng nên chị C còn nợ tôi tiền gốc là $8.900.000 - 4.550.000 = 4.350.000$ đồng.

- Ngày 19/12/2017 (Âm lịch) tức 04/02/2018 dương lịch: chị C vay của bà A 8.900.000 đồng (*tám triệu chín trăm ngàn đồng*), thỏa Bận trả góp trả 130.000đồng/ ngày, thời hạn vay là 90 ngày, nhưng sau đó chị C chỉ góp được 29 ngày x 130.000đ = 3.770.000đồng nên chị C còn nợ bà A tiền gốc là $8.900.000 - 3.770.000 = 5.130.000$ đồng.

Do đó, chị C còn nợ bà A số tiền đã vay là: $7.340.000 + 8.120.000 + 5.000.000 + 4.350.000 + 5.130.000 = 29.940.000$ đồng (*hai mươi chín triệu chín trăm bốn chục ngàn đồng*).

Chị C có tham gia hội do bà A làm chủ như sau:

- Dây hội 500.000đồng/tuần (chủ nhật hàng tuần) do bà A làm chủ, khai ngày 30/10/2017 (Âm lịch) tức 17/12/2017 dương lịch, gồm 37 phần, chị C tham gia 01 phần, đã hốt hội vào kỳ hội thứ 04 (tháng 01/2018-Âm lịch tức khoảng tháng 02/2018 dương lịch) được 11.810.000đồng (hội bỏ 180.000đồng/phần). Chị C đóng hội chết 25 kỳ, còn nợ bà A 08 kỳ x 500.000đ = 4.000.000đồng.

- Dây hội 1.000.000đồng/nửa tháng (khai 02 lần/tháng) do bà A làm chủ, khai ngày 10/12/2017 (Âm lịch) tức 16/01/2018 dương lịch, gồm 26 phần, chị C tham gia 01 phần, đã hốt hội vào kỳ hội thứ 02 (ngày 25/12/2017-Âm lịch tức 10/02/2018 dương lịch) được 16.100.000 đồng (hội bỏ 350.000đồng/phần). Chị C đóng hội chết 08 kỳ, còn nợ bà A 16 kỳ x 1.000.000đ = 16.000.000đồng.

Tất cả các dây hội này hiện nay đã mất.

Do đó, chị C còn nợ bà A số tiền hội: $4.000.000 + 16.000.000 = 20.000.000$ đồng (*hai chục triệu đồng*).

Thế nhưng, dù đã rất nhiều lần bà A yêu cầu chị C trả nợ cho bà A nhưng chị C cứ hên lần lựa đến nay chị C vẫn né tránh, không trả tiền cho bà A. Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị C hoàn trả cho bà số tiền sau:

* Tiền vay:

+ Tiền gốc : $29.940.000$ đồng (*hai mươi chín triệu chín trăm bốn chục ngàn đồng*).

+ Tiền lãi : theo lãi suất 0.833%/ tháng- tạm tính từ tháng 05/2018 (dương lịch) đến ngày đưa vụ án ra xét xử (tạm tính đến ngày nộp đơn là 15/01/2019 dương lịch là 08 tháng : $29.940.000 \text{ đ} \times 0.833\% \times 8 = 1.995.201$ đồng .

- Tiền hội: $20.000.000$ đồng (*hai chục triệu đồng*).

Tổng cộng nợ hội, nợ vay và lãi là 51.935.201 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Lê Thị C từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị C vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* **Tại phiên tòa**, chị B đại diện theo quyền của nguyên đơn bà A vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị C phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà A số tiền nợ hui là 20.000.000 đồng và nợ vay vốn là 29.940.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức 0,833%/tháng đối với nợ vay từ tháng 05/2018 đến ngày xét xử tháng 6/2019 là 13 tháng thành tiền là 3.242.203 đồng, tổng cộng vốn lãi và nợ hui là 53.182.203 đồng. Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn chị Lê Thị C từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng chị C vẫn vắng mặt không rõ lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà A.

* Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đối với số tiền vay 29.940.000 đồng có các biên nhận nợ có chị C ký tên là O thể hiện chị C có vay tiền của chị A nhiều lần và thỏa Bận trả tiền theo biên nhận, tuy nhiên chị C lại không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho chị A, do đó yêu cầu của chị A khởi kiện buộc chị C phải trả vốn và lãi là 33.182.203 đồng là phù hợp với qui định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với tiền hui 20.000.000 đồng có biên nhận nhận tiền và chữ ký xác nhận các lần nhận hui, do đó yêu cầu của bà A là phù hợp với pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A khởi kiện chị Lê Thị C có địa chỉ tại ấp D, xã L, huyện N, tỉnh Tiền Giang phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hui 20.000.000 đồng và nợ vay vốn 29.940.000 đồng, lãi theo qui định nên xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” tại Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự và Bộc trường hợp được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Bộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N.

[2] Qua lời trình bày tại phiên tòa và căn cứ vào các biên bản hòa giải, cùng các lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà A và chị C có xác lập quan hệ vay mượn tiền, góp hui. Do chỗ quen biết bà con thân Bộc, chị Lê Thị C (thường gọi là O) có vay tiền của bà A nhiều lần và tham gia nhiều dây hui để xoay vốn làm ăn sinh sống, cụ thể: Ngày 06/01/2017 (Âm lịch) tức 02/02/2017 dương lịch : chị C vay của bà A 8.900.000 đồng (*tám triệu chín trăm ngàn đồng*), thỏa Bận trả góp 130.000 đồng/ ngày,

thời hạn vay là 90 ngày, nhưng sau đó chị C chỉ góp được 12 ngày nên chị C còn nợ bà A tiền gốc là 7.340.000 đồng. Ngày 12/01/2017 (Âm lịch) tức 08/02/2017 dương lịch: chị C vay của bà A 8.900.000 đồng (*tám triệu chín trăm ngàn đồng*), thỏa Bận trả góp 130.000 đồng/ ngày, thời hạn vay là 90 ngày, nhưng sau đó chị Lan chỉ góp được 06 ngày nên chị C còn nợ bà A tiền gốc là 8.120.000 đồng. Ngày 10/5/2017 (Âm lịch) tức 04/6/2017 dương lịch: chị C vay của bà A 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), thỏa Bận miêng lãi suất 3%/tháng, nhưng sau đó- tính đến tháng 12/2017 (Âm lịch) tức khoảng tháng 01/2018 dương lịch, chị C trả gốc được 5.000.000 đồng, nên chị C còn nợ bà A tiền gốc là 5.000.000 đồng. Ngày 13/12/2017 (Âm lịch) tức 29/01/2018 dương lịch: chị C vay của bà A 8.900.000 đồng (*tám triệu chín trăm ngàn đồng*), thỏa Bận trả góp trả 130.000 đồng/ ngày, thời hạn vay 90 ngày, nhưng sau đó chị Lan chỉ góp được 35 ngày nên chị C còn nợ tiền gốc là 4.350.000 đồng. Ngày 19/12/2017 (Âm lịch) tức 04/02/2018 dương lịch: chị C vay của bà A 8.900.000 đồng (*tám triệu chín trăm ngàn đồng*), thỏa Bận trả góp trả 130.000 đồng/ ngày, thời hạn vay là 90 ngày, nhưng sau đó chị C chỉ góp được 29 ngày nên chị C còn nợ bà A tiền gốc là 5.130.000 đồng. Tổng số tiền chị C còn nợ bà A là 29.940.000 đồng (*hai mươi chín triệu chín trăm bốn chục ngàn đồng*). Ngoài ra chị C có tham gia hội do bà A làm chủ như sau: Dây hội 500.000 đồng/tuần (chủ nhật hàng tuần) do bà A làm chủ, khai ngày 30/10/2017 (Âm lịch) tức 17/12/2017 dương lịch, gồm 37 phần, chị C tham gia 01 phần, đã hót hội vào kỳ hội thứ 04 (tháng 01/2018-Âm lịch tức khoảng tháng 02/2018 dương lịch) được 11.810.000 đồng (hội bỏ 180.000 đồng/phần). Chị C đóng hội chết 25 kỳ, còn nợ bà A 08 kỳ x 500.000đ = 4.000.000 đồng. Dây hội 1.000.000 đồng/nửa tháng (khai 02 lần/tháng) do bà A làm chủ, khai ngày 10/12/2017 (Âm lịch) tức 16/01/2018 dương lịch, gồm 26 phần, chị C tham gia 01 phần, đã hót hội vào kỳ hội thứ 02 (ngày 25/12/2017-Âm lịch tức 10/02/2018 dương lịch) được 16.100.000 đồng (hội bỏ 350.000 đồng/phần). Chị C đóng hội chết 08 kỳ, còn nợ bà A 16 kỳ x 1.000.000đ = 16.000.000 đồng. Tất cả các dây hội này hiện nay đã mãn. Tổng số tiền nợ hội chị C còn nợ bà A là 20.000.000 đồng (*hai chục triệu đồng*). Nay bà A yêu cầu chị C trả số tiền hội 20.000.000 đồng và nợ vay là 29.940.000 đồng, lãi là 3.242.203 đồng, tổng cộng là 53.182.203 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Việc bà Trần Thị A yêu cầu tính lãi với mức 0,833%/tháng đối với nợ vay số tiền 29.940.000 đồng tính từ 05/2018 đến ngày xét xử là tháng 6/2019 là 13 tháng, thành tiền là **3.242.203** đồng là phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn trả: Bà A yêu cầu chị C trả tiền vay và tiền hội ngay khi án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với qui định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với chị Lê Thị C vắng mặt tại tòa không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với chị C.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn tiền tạm ứng án phí. Bị đơn chị Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Từ những nhận định trên Tòa án chấp nhận lời đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 471, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị A.

1. Buộc chị Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị A số tiền nợ vay vốn là 29.940.000 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng), tiền lãi **3.242.203** đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn hai trăm lẻ ba đồng). Tổng cộng **33.182.203** đồng (ba mươi ba triệu một trăm tám mươi hai ngàn hai trăm lẻ ba đồng).

- Buộc chị Lê Thị C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị A số tiền nợ hụi 20.000.000 đồng.

Thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp chị C chậm thi hành án số tiền nêu trên thì chị C phải trả cho bà A tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Chị Lê Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.659.111 đồng (hai triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn một trăm mười một triệu đồng).

Hoàn lại cho bà Trần Thị A số tiền tạm ứng án phí 1.338.000 đồng (một triệu ba trăm ba mươi tám ngàn) theo biên lai B số 0015622 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm. Chị Lê Thị C được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Bận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TANDTTG.
- VKSNDHCG.
- Chi cục THADSHCG.
- Các đương sự.
- Lưu.

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Ánh Hồng

